

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-8-2022  
V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU - TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Tòng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ba Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Phụng Tú.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **58/2022/QĐXXST-HNGĐ** ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Kim N, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 22-02-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Trần Kim N trình bày:*

Chị và anh P tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, thường xuyên cãi nhau, anh P không lo làm ăn; hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm với anh P, yêu cầu ly hôn với anh P.

Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 05-5-2004 và

Nguyễn Văn G, sinh ngày 03-10-2018; hiện đang sống cùng chị. Chị yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Văn G, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Nguyễn Thị Kim A đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng đối với anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Trần Kim N đối với Anh Nguyễn Văn P; con Nguyễn Thị Kim A đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết; giao con chung Nguyễn Văn G, sinh ngày 03-10-2018 cho Chị N nuôi dưỡng, ghi nhận Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Kim N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng Anh Nguyễn Văn P cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P. Anh P không thực hiện nghĩa vụ của đương sự quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị N và anh P tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế nhưng không ai tìm cách giải quyết. Mặc dù, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do, thể hiện việc anh P không mong muốn đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị N đối với anh P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn G, sinh ngày 03-10-2018 cho Chị N nuôi dưỡng, ghi nhận Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung; là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với con chung Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 05-5-2004; đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào** các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Trần Kim N đối với Anh Nguyễn Văn P.

Chị N và anh P không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn G, sinh ngày 03-10-2018. Con chung Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 05-5-2004; đã thành niên, tự lao động sinh sống được; không yêu cầu giải quyết.

Ghi nhận Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P được quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo Biên lai thu số **0012133 ngày 02 tháng 3 năm 2022**; (Chị N đã nộp xong án phí).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt

tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS H.Dương Minh Châu;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Thanh Tòng**